



Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

- A.  $a > 0, c > 0$ .      B.  $a < 0, c < 0$ .      **C.  $a > 0, c < 0$ .**      D.  $a < 0, c > 0$ .

**Câu 19.** Parabol  $y = ax^2 + x + c$  đi qua điểm  $A(0; -3)$  có trục đối xứng là  $x = 1$  có:

- A.  $a = \frac{-1}{2}, c = -3$**       B.  $a = \frac{-1}{2}, c = 3$       C.  $a = \frac{1}{2}, c = -3$       D.  $a = \frac{1}{2}, b = 3$

**Câu 20.** Cho  $A = \{1; 2; 3; 4\}$ ,  $B = \{0; 1; 3; 4; 7\}$ . Số tập con của tập  $A \cap B$  là:

- A. 6      **B. 8**      C. 10      D. 7

**Câu 21.** Cho  $A = \{n^2 + 1 / n \in \mathbb{N}^* \text{ và } n < 7\}$ . Chọn khẳng định đúng.

- A.  $A = \{2; 5; 10; 17; 26; 37\}$**       B.  $A = \{1; 2; 5; 10; 17; 26; 37\}$   
C.  $A = \{2; 5; 10; 17; 26; 37; 50\}$       D.  $A = \{1; 2; 5; 10; 17; 26; 37; 50\}$

**Câu 22.** Cho hàm số  $y = (m - 1)x^2 - 2x + n$ . Tìm  $m, n$  biết đồ thị hàm số có đỉnh  $I(1; -4)$ .

- A.  $m = 2, n = -2$       B.  $m = -2, n = 2$ .      C.  $m = -2, n = -2$       **D.  $m = 2, n = 2$ .**

**Câu 23.** Cho  $B = (-4; 2)$ ,  $C = (0; 1]$ . Khi đó  $B \setminus C$  ?

- A.  $(-4; 0] \cup (1; 2)$**       B.  $(-4; 0) \cup (1; 2)$       C.  $(-\infty; 0) \cup (3; 5]$       D.  $(-\infty; 0] \cup [3; 5)$

**Câu 24.** Cho hàm số  $y = \frac{1+x}{x^2+x-m}$ . Hàm số có tập xác định  $D = \mathbb{R}$  khi  $m = ?$

- A.  $m > \frac{-1}{4}$       **B.  $m < \frac{-1}{4}$**       C.  $m = \frac{-1}{4}$       D.  $m \leq \frac{-1}{4}$

**Câu 25.** Tọa độ giao điểm của hai đường thẳng  $y = 2x + 3$  và đường thẳng  $y = -x - 3$  là:

- A.** (-2; -1)                      B. (-2; 1)                      C. (2; 1)                      D. (2; -1)

**Câu 26.** Đồ thị hàm số  $y = -x^2 - 2x - 3$  và đường thẳng  $y = m - 1$  cắt nhau tại 2 điểm phân biệt khi  $m = ?$

- A.**  $m < -1$                       B.  $m \leq -1$                       C.  $m < 1$                       D.  $m > -1$

**Câu 27.** Chọn khẳng định sai.

- A. Hàm số  $y = |x + 1|$  đồng biến trên  $(-1; +\infty)$ .  
B. Hàm số  $y = -x + 2$  nghịch biến trên  $\mathbb{R}$ .  
C. Hàm số  $y = x^2 + 2x - 1$  đồng biến trên  $(-1; +\infty)$ .  
**D.** Hàm số  $y = x^2$  đồng biến trên  $(-2; -1)$

**Câu 28.** Hàm số  $y = -3x^2 + x - 1$  có trục đối xứng là:

- A.**  $x = \frac{1}{6}$                       B.  $y = \frac{1}{6}$                       C.  $y = \frac{1}{3}$                       D.  $x = \frac{1}{3}$

**Câu 29.** Cho hàm số  $y = f(x) = \frac{1+x}{x^2 \cdot \sqrt{1-x}}$ . Chọn khẳng định đúng.

- A. Tập xác định  $D = (-\infty; 1]$  và  $f(0)$  không xác định.  
B. Tập xác định  $D = (-\infty; 1) \setminus \{0\}$  và  $f(-3) = \frac{-1}{18}$ .  
**C.** Tập xác định  $D = (-\infty; 1) \setminus \{0\}$  và  $f(-3) = \frac{-1}{9}$   
D. Tập xác định  $D = (-\infty; 1] \setminus \{0\}$  và  $f(-3) = \frac{-1}{9}$

**Câu 30.** Trong các tập hợp sau tập nào là tập có vô hạn phần tử.

- A.  $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x^2 + x = 0\}$                       **B.**  $B = \{x \in \mathbb{R} \mid |x| < 1\}$   
C.  $C = \{x + 1 \mid x \in \mathbb{N}, x < 5\}$                       D.  $D = \{x \in \mathbb{R} \mid |x| < 0\}$

**HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ**

---

Đáp số																			
<b>1</b>	C	<b>2</b>	B	<b>3</b>	B	<b>4</b>	A	<b>5</b>	C	<b>6</b>	C	<b>7</b>	C	<b>8</b>	B	<b>9</b>	B	<b>10</b>	D
<b>11</b>	D	<b>12</b>	A	<b>13</b>	B	<b>14</b>	C	<b>15</b>	A	<b>16</b>	C	<b>17</b>	B	<b>18</b>	C	<b>19</b>	A	<b>20</b>	B
<b>21</b>	A	<b>22</b>	D	<b>23</b>	A	<b>24</b>	B	<b>25</b>	A	<b>26</b>	A	<b>27</b>	D	<b>28</b>	A	<b>29</b>	C	<b>30</b>	B